

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Ths. Nguyễn Đức Kiên

BAN BIÊN TẬP

Ngô Chí Vinh
Phạm Huy Long
Nguyễn Tươi
Huỳnh Trang

TRÌNH BÀY

Văn Bằng



Ảnh: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Dương Văn Thái ký kết hợp tác nghiên cứu khoa học và đào tạo với trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số 71, Nguyễn Văn Cừ, tp Bắc Giang.
Điện thoại (Fax): 0240 3825 001
Email: tapchikhoctbacgiang@gmail.com

Giấy phép xuất bản số:

11/GP - STTT do Sở Thông tin và Truyền thông Bắc Giang cấp ngày 22 tháng 1 năm 2016.

TRONG SỐ NÀY

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

- ▶ Nhiệm vụ của ngành khoa học và công nghệ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII **1**
- ▶ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020 **3**
- ▶ Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo cơ chế tự chủ **4**

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- ▶ Gỡ vướng mắc khi tham gia chương trình khoa học và công nghệ quốc gia **6**
- ▶ Năng suất, chất lượng - yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp **8**

THÀNH TỰU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- ▶ Công nghệ nhà kính của ISRAEL - giải pháp cho sản xuất nông sản sạch ở Việt Nam **10**
- ▶ Hoàn thiện bản đồ công nghệ sẽ giúp nâng cao vị thế ngành lúa gạo Việt Nam trong tương lai **13**
- ▶ Giảm ô nhiễm môi trường chăn nuôi nhờ chế phẩm sinh học **15**
- ▶ Nâng cao năng suất, chất lượng, từng bước khẳng định thương hiệu chè Yên Thế **17**
- ▶ Doanh nghiệp với Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả **20**
- ▶ Kết quả sau 2 năm thực hiện xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2014 - 2020 **22**
- ▶ Kết quả đề tài: Nghiên cứu xác định một số căn nguyên vi rút gây hội chứng não cấp và đánh giá hiệu quả phòng bệnh viêm não Nhật Bản bằng vắc - xin tại tỉnh Bắc Giang **24**

TIN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

NHIỆM VỤ CỦA NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ XII



Các đại biểu biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội

Ngày 22/7/2016, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 64/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

Mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Chương trình hành động là: Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh,

nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ

quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ gìn hòa bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ để thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng để ra.

Chương trình đề ra 6



nhiệm vụ trọng tâm các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện, trong đó, nhiệm vụ thứ 3 về kinh tế - xã hội đóng vai trò trọng tâm: Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả những đột phá chiến lược (hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ), cơ cấu lại tổng thể và đồng bộ nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Chú trọng giải quyết tốt vấn đề cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, cơ cấu lại ngân sách nhà nước, xử lý nợ xấu và bảo đảm an toàn nợ công.

Nhiệm vụ cụ thể đặt ra cho ngành khoa học và công nghệ được chỉ rõ:

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hoạt động khoa học và công nghệ; xây dựng hệ thống đổi mới

sáng tạo quốc gia, phát huy năng lực sáng tạo của mọi cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức. Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách mang tính chất đột phá nhằm khuyến khích nghiên cứu khoa học và cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học và công nghệ mới vào sản xuất để tăng năng suất lao động và tăng giá trị gia tăng của sản phẩm.

Khuyến khích và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ. Đổi mới cơ chế quản lý, nhất là cơ chế tự chủ về tài chính, tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao và kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu công nghệ lạc hậu, công nghệ và thiết bị máy móc đã qua sử dụng.

Xây dựng chương trình, đề án đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ. Rà soát, triển khai quy hoạch phát triển nhân lực khoa học và công nghệ gắn kết chặt chẽ với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước tới năm 2020 và tầm nhìn năm 2030. Nghiên cứu chính sách đào tạo, phát triển, trọng dụng và tôn vinh đội ngũ khoa học và công nghệ. Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự

do sáng tạo trong hoạt động nghiên cứu, tư vấn, phản biện của các nhà khoa học. Xây dựng tiêu chí lựa chọn một số tổ chức khoa học và công nghệ đạt trình độ khu vực và thế giới. Nghiên cứu hoàn thiện thể chế định giá tài sản trí tuệ, tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và xử lý nghiêm các vi phạm.

Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Ban hành cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước đầu tư nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ.

Xây dựng một số viện nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ hiện đại, phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo và vườn ươm công nghệ. Thí điểm thành lập một số tổ chức khoa học và công nghệ theo mô hình tiên tiến của thế giới, trước tiên là Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam và Hàn Quốc (V-KIST). Tập trung phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ các trường đại học, viện nghiên cứu./.

Trần Phương

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020

Ngày 14/6/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1062/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020.

Mục tiêu của Chương trình là nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về tài sản trí tuệ trong hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam; đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ cho khoảng 1.000 cá nhân, tập trung vào các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; hỗ trợ khai thác, áp dụng vào thực tiễn cho ít nhất 50 sáng chế/giải pháp hữu ích của Việt Nam; hỗ trợ bảo hộ, quản lý và phát triển quyền sở hữu trí tuệ cho ít nhất 70 sản phẩm đặc thù của địa phương, sản phẩm làng nghề mang địa danh; hỗ trợ ít nhất 100 doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ trong việc xây dựng và triển khai mô hình quản lý và phát triển tài sản trí tuệ; hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong và ngoài nước đối với các sản phẩm quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Để thực hiện những mục tiêu trên, Chương trình tập

trung vào các nội dung như:

Nâng cao nhận thức, năng lực tạo lập và phát triển tài sản trí tuệ:

Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về tài sản trí tuệ; xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về tài sản trí tuệ; biên soạn, phát hành về tài sản trí tuệ; hỗ trợ thiết kế, xây dựng bộ công cụ tra cứu, các gói thông tin sở hữu trí tuệ chuyên ngành và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận, khai thác thông tin sở hữu trí tuệ; hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình quản lý và phát triển tài sản trí tuệ trong các doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ; Tổ chức bộ phận chuyên môn về tài sản trí tuệ; xây dựng và triển khai quy trình phát hiện, thống kê, đánh giá, quản lý tài sản trí tuệ.

Hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và bảo vệ tài sản trí tuệ:

Theo đó, Chương trình hỗ trợ đăng ký bảo hộ trong và ngoài nước đối với các sản phẩm, dịch vụ, ưu tiên các đối tượng là kết quả nghiên cứu khoa học, sản phẩm chủ lực, sản phẩm quốc gia, kiểu dáng sản phẩm và giống cây trồng

mới; quản lý và phát triển tài sản trí tuệ đối với các sản phẩm đặc thù của địa phương mang địa danh đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể; áp dụng sáng chế của Việt Nam, sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ tại Việt Nam, áp dụng giống cây trồng mới; tổ chức triển khai các biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ; tổ chức trưng bày, triển lãm phân biệt sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Hỗ trợ khai thác thương mại và phát triển tài sản trí tuệ:

Theo đó, Chương trình sẽ giới thiệu, quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại khác cho các tài sản trí tuệ của Việt Nam ở trong và ngoài nước; hỗ trợ khai thác, nâng cao giá trị và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đồng thời, hỗ trợ thành lập và vận hành các doanh nghiệp, tổ chức khai thác, thương mại hóa tài sản trí tuệ; định giá, kiểm toán tài sản trí tuệ, tập



trung vào các đối tượng là sáng chế, tên thương mại, nhãn hiệu của các doanh nghiệp.

Hỗ trợ ứng dụng các tài sản trí tuệ, thành quả sáng tạo cá nhân được hình thành từ thực tiễn:

Tư vấn, hỗ trợ đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho cá nhân có sáng kiến, giải pháp kỹ thuật và các thành quả sáng tạo khác; hỗ trợ hoàn thiện, khai thác, áp dụng các tài sản trí tuệ và thành quả sáng tạo, đặc biệt là các tài sản trí tuệ,

thành quả sáng tạo cá nhân có tính ứng dụng cao, khả năng áp dụng rộng rãi, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội, cộng đồng; vinh danh, khen thưởng các cá nhân điển hình có tài sản trí tuệ, thành quả sáng tạo được áp dụng rộng rãi, mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng và xã hội.

Kinh phí thực hiện Chương trình gồm kinh phí từ ngân sách nhà nước, đóng góp của doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác. Bộ Khoa học

và Công nghệ là đơn vị chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

Các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Hoàng Bình

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO CƠ CHẾ TỰ CHỦ

Góp phần hình thành và phát triển 30 cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ là một trong những mục tiêu bổ sung của Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Ngày 12/7/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1381/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển doanh

nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Một số điểm mới:

Hỗ trợ ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ:

Nội dung hỗ trợ ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ được làm rõ hơn. Nếu như trước đây, Quyết định số 592/QĐ-TTg chỉ quy định “Hỗ trợ thành lập cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tập trung tại các viện nghiên cứu, trường đại học và các doanh nghiệp” thì nay, nội dung hỗ trợ được làm rõ “Hỗ trợ trang thiết bị

dùng chung; hoạt động tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng (cho cán bộ quản lý, người làm việc tại cơ sở ươm tạo và tổ chức, cá nhân tham gia ươm tạo tại cơ sở ươm tạo); tổ chức hội nghị, hội thảo; xây dựng trang thông tin điện tử để quảng bá về cơ sở ươm tạo” và bổ sung đối tượng được hỗ trợ “Hỗ trợ cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, ưu tiên cơ sở ươm tạo được thành lập tại các viện nghiên cứu, trường đại học, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung”.

Hoạt động ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ



Tập trung đầu tư cho hoạt động KH&CN sẽ tạo nền tảng bền vững cho doanh nghiệp phát triển

gồm: Hỗ trợ tổ chức, cá nhân nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ để tạo ra sản phẩm mới có sức cạnh tranh trên thị trường; sử dụng trang thiết bị, dịch vụ tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ương tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

Hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Sửa đổi, bổ sung quy định về “Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ”:

Lựa chọn và giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước cho doanh nghiệp có nhu cầu và đủ điều kiện để ứng dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện của doanh nghiệp khoa học và công nghệ xây dựng, hoàn

thiện hồ sơ, thủ tục để được công nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Hướng dẫn doanh nghiệp khoa học và công nghệ hưởng chính sách ưu đãi, miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp; ưu đãi tín dụng, hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh vay vốn từ các tổ chức tín dụng, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và các loại quỹ khác có liên quan; ưu đãi về sử dụng đất; hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ phát triển và hoàn thiện công nghệ để tạo ra sản phẩm mới có sức cạnh tranh trên thị trường.”

Nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập gồm: Hỗ trợ trang bị máy móc, thiết bị thí nghiệm, thử nghiệm phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát

triển công nghệ; hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, phát triển ý tưởng sáng tạo để có kết quả công bố trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế; hỗ trợ nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm mới có khả năng thương mại hóa; hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (kể cả kết quả khoa học và công nghệ có nguồn gốc kinh phí từ ngân sách nhà nước và ngoài nhà nước).

Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực cho cán bộ nghiên cứu và cán bộ kỹ thuật của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Thời gian thực hiện Chương trình đến hết năm 2020./.

Nguyễn Thảo



GỖ VƯỚNG MẮC KHI THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Thời gian qua, một số nhiệm vụ thuộc Chương trình khoa học và công nghệ (KH&CN) quốc gia do các nhà khoa học thực hiện đã có những kết quả bước đầu. Nhưng trong quá trình thực hiện, nhiều nhà khoa học còn vướng mắc về việc thanh quyết toán, quy trình đề xuất, tham gia, xét duyệt và phê duyệt nhiệm vụ.

Nhằm thực hiện chiến lược phát triển KH&CN đến năm 2020, Bộ KH&CN đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các Quyết định phê duyệt các Chương trình KH&CN quốc gia như: Phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020; Phát triển công nghệ cao đến năm 2020; Đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020; Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập chuyển đổi sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm; Hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về KH&CN đến năm 2020; Tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước

ngoài đến năm 2020. Với quan điểm lấy doanh nghiệp làm trung tâm để đổi mới, ứng dụng KH&CN sẽ tập trung các nguồn lực đầu tư “tới ngưỡng”. Qua đó, sẽ hình thành và phát triển các sản phẩm, hàng hóa mang thương hiệu Việt Nam, có khả năng cạnh tranh cao trong giai đoạn từ nay đến năm 2020. Tính đến nay, đã có 77 nhiệm vụ KH&CN với giá trị 2.760 tỷ đồng (kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là 633 tỷ đồng) được Bộ KH&CN cùng các Bộ, ngành có liên quan ký hợp đồng thực hiện. Đã có một số sản phẩm của các nhiệm vụ KH&CN dần được hoàn thiện, chuẩn bị được đưa vào thị trường như: Dự án “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất thuốc Peginterferon lambda 1, Pegfilgrastim đạt tiêu chuẩn châu Âu” do Công ty TNHH CNSH Dược Nanogen chủ trì thực hiện; dự án “Nghiên cứu phát triển và làm chủ quy trình công nghệ sản xuất bóng nong mạch và stent phủ

thuốc bằng công nghệ nano” do Công ty TNHH MTV Nhà máy United Healthcare chủ trì thực hiện; các nhiệm vụ thuộc Chương trình Đổi mới công nghệ quốc gia đã có các kết quả bước đầu về đánh giá hiện trạng và nhu cầu đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực và các loại hình doanh nghiệp khác nhau; xây dựng hệ thống phương pháp, quy trình lập bản đồ công nghệ ở các cấp độ ngành và quốc gia, cũng như hệ thống tiêu chí xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ của doanh nghiệp... Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, nhiều nhà khoa học đã gặp những vướng mắc gây cản trở cho quá trình nghiên cứu, không thể tập trung cho hoạt động chuyên môn.

Hiện nay, nhà khoa học khi thực hiện nhiệm vụ KH&CN phải xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí theo Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH&CN (TTLT 55)

ngày 22/4/2015 và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC (TTLT 27) ngày 30/12/2015 về quy định khoán chi. Tuy hai thông tư liên tịch nói trên được đánh giá là “đột phá” của ngành KH&CN Việt Nam, nhưng vẫn chưa thật sự giao quyền chủ động để nhà khoa học có thể chuyên tâm nghiên cứu. Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Việt Nam Nguyễn Xuân Liêu cho biết: Tại các nước phát triển trên thế giới, khi nhà khoa học nhận tiền của Nhà nước để thực hiện nhiệm vụ, phải có trách nhiệm làm cho ra được sản phẩm theo hợp đồng. Khi không ra được sản phẩm như vậy, lúc đó mới có hội đồng xem xét quá trình chi tiêu nghiên cứu của nhà khoa học có đúng hay không. Còn như hiện nay, nếu một đơn vị có làm ra được sản phẩm với các thông số, chỉ tiêu đúng như trong hợp đồng nhưng để nghiệm thu lại phải thực hiện các quy trình, thủ tục về hóa đơn, chứng từ... là bất hợp lý.

Ngoài ra, nhiều nhà khoa học cũng băn khoăn với việc xây dựng, thực hiện dự toán nếu dự án có sự đầu tư của Nhà nước và tư nhân. Thứ trưởng Bộ KH&CN Trần Quốc Khánh cho biết: “Với các nhiệm vụ KH&CN trước khi TTLT 27 có hiệu lực vào ngày 15/2/2016

thì sẽ phải thực hiện theo TTLT số 93/2006/TTLT/BTC-BKH-CN ngày 09/03/2006, cho nên sẽ có những vướng mắc khi các nhiệm vụ chưa thực hiện khoán chi. Vấn đề này đã được giải quyết khi các nhiệm vụ KH&CN từ sau ngày 15/2/2016 thực hiện theo TTLT 27, qua đó, kho bạc nhà nước không kiểm soát chứng từ chi tiết, chỉ thực hiện kiểm soát chi theo bảng kê khối lượng công việc đã thực hiện. Ngoài ra, các đơn vị tự chủ động thực hiện chi tiêu với phần nguồn vốn từ tư nhân, còn với phần tiền của Nhà nước thì phải xây dựng dự toán và thực hiện theo đúng các quy định hiện hành”.

Mặt khác, đối với việc nghiên cứu khoa học, tỷ lệ thất bại rất lớn, có thể lên đến 90%, nhất là với các nghiên cứu cơ bản thì tỷ lệ còn cao hơn nữa. Các nhà khoa học mong muốn Nhà nước có một cơ chế, nhằm có những hỗ trợ cho việc nghiên cứu. Theo Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Sao Thái Dương Thạch sĩ Nguyễn Thị Hương Liên: “Trong quá trình nghiên cứu theo hợp đồng thất bại nhưng lại nghiên cứu ra một sản phẩm khác có giá trị hơn so với sản phẩm của đề tài đã ký kết, liệu kết quả nghiên cứu này có được thay thế kết quả nghiên cứu chưa thành công hay không? Như

việc thực hiện nghiên cứu một bài thuốc làm đẹp cho phụ nữ của Công ty Cổ phần Sao Thái Dương, hiệu quả không như mong muốn nhưng lại phát hiện có thể chữa huyết áp thấp và đã đưa ra thương mại được”. Giám đốc văn phòng các chương trình KH&CN quốc gia Đỗ Thành Long cho biết: “Đối với các trường hợp nhà khoa học thực hiện đề tài nghiên cứu thất bại, không tạo ra được sản phẩm theo yêu cầu đề ra, Bộ KH&CN sẽ thành lập một hội đồng để đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ. Với những thất bại do khách quan thì Bộ KH&CN sẽ không thu hồi kinh phí, nhưng nếu do chủ quan (cố tình) để không thực hiện thành công thì sẽ phải thu hồi kinh phí, tránh việc trực lợi ngân sách Nhà nước. Tương tự, với việc thay đổi sản phẩm sẽ phải điều chỉnh lại hợp đồng, cần một hội đồng để đánh giá và sẽ quyết định. Hy vọng với sự thay đổi cơ chế nói trên, nhà khoa học sẽ phần nào bớt khó khăn trong quá trình triển khai nghiên cứu đề tài thực hiện một số nhiệm vụ thuộc các Chương trình KH&CN quốc gia”/.

Văn Bằng - Theo nhan dan

Năng suất, chất lượng yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp

Năng suất, chất lượng đóng vai trò quan trọng trong quá trình tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tăng năng suất chính là phương thức phát triển bền vững của doanh nghiệp mà không nhất thiết phải tăng vốn, lao động... kết quả đầu ra vẫn khả quan nếu như doanh nghiệp biết khai thác, sử dụng tối ưu nguồn lao động, kết hợp sử dụng hiệu quả các yếu tố đầu vào.

Tăng năng suất - tăng khả năng cạnh tranh

Năm 2010, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010 phê duyệt Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020” - Chương trình 712. Mục tiêu của chương trình nhằm xây dựng mới 2.000 tiêu chuẩn quốc gia (TCVN); 60% TCVN của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn khu vực; 60.000 doanh nghiệp được hướng dẫn ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ



Dây chuyên sản xuất bóng đèn Led tại Cty CP Bóng đèn Phích nước Rạng Đông

thuật và đổi mới công nghệ, áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng; góp phần nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) trong tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước lên ít nhất 35% vào năm 2020...

Tính đến nay, Chương trình 712 đã xây dựng và công bố 4.485 tiêu chuẩn quốc gia và đưa tổng số tiêu chuẩn hiện hành lên 8.800 TCVN, tỷ lệ hài hòa với quốc tế, khu vực là 45%.

Thông qua ứng dụng công nghệ, giải pháp mới đã góp

phần nâng cao tỷ trọng đóng góp của năng suất yếu tố tổng hợp vào tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước từ mức đóng góp không đáng kể trong giai đoạn trước đây lên trên 25% trong giai đoạn 2011 - 2014 và dự kiến đạt mục tiêu đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp vào tăng trưởng kinh tế trên khoảng 35% vào năm 2020.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Trần Văn Vinh cho biết, việc Việt Nam gia nhập các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA), Hiệp định Đối tác Thương mại xuyên Thái Bình

Dương (TPP)... sẽ mở ra các cơ hội cạnh tranh sòng phẳng đối với các doanh nghiệp. Do đó, doanh nghiệp Việt Nam sẽ có cơ hội tự khẳng định chính mình, nhưng một trong những khó khăn mà các doanh nghiệp Việt Nam đang gặp phải hiện nay là năng suất, chất lượng - điều sống còn của các doanh nghiệp.

TS. Nguyễn Thúy Anh, Đại học Ngoại thương nhận định, năng suất luôn là một vấn đề nóng không chỉ đối với cả nền kinh tế mà còn đối với từng doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế đó. Tăng năng suất được coi là một trong những phương thức phát triển bền vững đối với doanh nghiệp. Để tăng năng suất, ngoài các yếu tố lao động và vốn, các nghiên cứu đã chỉ ra các nhân tố tổng hợp khác có thể làm tăng năng suất cho doanh nghiệp.

“Doanh nghiệp không nhất thiết phải tăng vốn hay tăng lao động mà kết quả đầu ra vẫn có thể khả quan hơn nếu doanh nghiệp biết khai thác, sử dụng tối ưu nguồn lao động và vốn đầu tư bằng việc tăng cường phối hợp sử dụng hiệu quả các yếu tố đầu vào, kết hợp với cải tiến tổ chức sản xuất, đổi mới nâng cao trình độ công nghệ, đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ mới, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực...” - TS. Nguyễn Thúy Anh khẳng định.

Đầu tư cho khoa học và công nghệ (KH&CN) - Tạo bước đột phá

Nói về lợi ích của doanh

nh nghiệp khi đầu tư cho nghiên cứu KH&CN, nguyên Bộ trưởng Bộ KH&CN Nguyễn Quân dẫn chứng, Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông là một doanh nghiệp nhà nước đã từng đứng trên bờ vực phá sản. Tuy nhiên, nhờ đầu tư, áp dụng KH&CN với việc thành lập trung tâm nghiên cứu, mời các nhà khoa học hàng đầu về chiếu sáng của Học viện Nông nghiệp, Trường Đại Bách khoa, Đại học Quốc gia Hà Nội tham gia. Trong vòng 10 năm, Rạng Đông đã trở thành doanh nghiệp hàng đầu nằm trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, hàng năm đóng góp cho ngân sách nhà nước 220 tỷ đồng, doanh thu năm 2015 đạt 2.800 tỷ.

Năng suất các yếu tố tổng hợp

Theo TS. Nguyễn Thúy Anh, cải tiến tổ chức sản xuất, đổi mới nâng cao trình độ công nghệ, đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ mới, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực... sẽ tạo nên một nhân tố mới đóng vai trò tích cực tạo ra giá trị gia tăng cao hay còn gọi là năng suất các nhân tố tổng hợp.

Năng suất các yếu tố tổng hợp - Total Factor Productivity (TFP) là chỉ tiêu đo lường năng suất của đồng thời cả “lao động” và “vốn” trong một hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể hay cho cả nền kinh tế. Kết quả đầu ra không chỉ phụ thuộc vào số lượng các yếu tố đầu vào mà còn phụ thuộc vào

chất lượng của các yếu tố đó.

Theo đó, nâng cao năng suất các yếu tố tổng hợp là biện pháp gia tăng đầu ra bằng việc nâng cao chất lượng của các yếu tố đầu vào. Cùng với lượng đầu vào như nhau, lượng đầu ra có thể lớn hơn nhờ vào việc cải tiến chất lượng của lao động, vốn và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực này. Vì vậy, tăng năng suất các yếu tố tổng hợp gắn liền với áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, đổi mới công nghệ, cải tiến phương thức quản lý, nâng cao kỹ năng, trình độ tay nghề của người lao động...

Để đo lường yếu tố đầu ra của doanh nghiệp, kinh nghiệm thế giới đã cho thấy, không chỉ sử dụng chỉ tiêu tổng sản lượng mà sử dụng giá trị gia tăng mà doanh nghiệp tạo ra để đo lường năng suất và gắn kết với tạo động lực làm việc của người lao động để bài toán tăng năng suất không chỉ là bài toán của nhà quản trị mà của mọi thành viên trong doanh nghiệp.

Trở lại với Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông, nhận thức được tầm quan trọng của việc xác định giá trị gia tăng và đo lường năng suất tổng hợp trong doanh nghiệp, Rạng Đông đã bắt tay vào việc áp dụng tính toán các chỉ số liên quan, tiến tới sử dụng các tiêu chí về giá trị gia tăng và mức tăng năng suất các nhân tố tổng hợp như một chỉ số KPI - (Key Performance Indicator) trong doanh nghiệp, có nghĩa



là chỉ số đánh giá thực hiện công việc và phân phối thu nhập trong Công ty một cách công bằng hơn, tạo động lực phát triển cho người lao động.

Ông Doãn Trung Tuấn, Bí thư Đảng ủy khối Công nghiệp Hà Nội cho rằng, điểm nổi bật trong hội nhập để phát triển, chủ yếu dựa vào 2 nhân tố quan trọng: Một là, các nguồn lực tri thức KH&CN - nhân tố động lực cho phát triển, nhân tố này có khả năng tái tạo, tự sản sinh và không bao giờ cạn kiệt nếu biết phát huy. Hai là, sức sống của các nền văn hóa trong cộng đồng dân tộc - nhân tố nền cho sự phát triển của cả dân tộc.

Tuy nhiên, theo ông Tuấn, hai nhân tố trên mới chỉ là điều kiện cần; muốn hội nhập một cách hiệu quả phải có thêm điều kiện đủ, đó là môi trường phát triển với tổng hòa các yếu tố văn hóa, chính trị, xã hội và kinh tế.

“Việt Nam với 97% là doanh nghiệp nhỏ và vừa với nhiều hạn chế, yếu kém so với các nước trong khu vực về năng lực KH&CN, năng suất lao động, năng lực tài chính, trình độ quản trị hiện đại... Tuy nhiên, cơ hội là rất lớn đối với những doanh nghiệp nào nắm bắt được cơ hội, chủ động đổi mới, sáng tạo sẽ là nền tảng tạo nên sự cạnh tranh thành công trong tương lai” ông Tuấn khẳng định./.

HT

Theo truyenthongkhoaohoc

CÔNG NGHỆ NHÀ KÍNH CỦA ISRAEL -

GIẢI PHÁP CHO SẢN XUẤT NÔNG SẢN SẠCH Ở VIỆT NAM



Trồng rau trong nhà kính - mô hình sản xuất hiện đại

Công nghệ nhà kính

Canh tác nhà kính được xem như một giải pháp công nghệ chìa khóa trong phát triển nông nghiệp công nghệ cao của Israel. Theo các nhà khoa học nông nghiệp nước này, nhà kính nông nghiệp công nghệ cao (Hi-tech greenhouses) là loại hình nhà kính ứng dụng các công nghệ cao, hiện đại để tạo lập ra một môi trường sinh thái thuận lợi nhất có thể cho cây trồng sinh trưởng, phát triển; để thực hiện các công nghệ thâm

canh cao; để tối thiểu hóa thậm chí có thể loại trừ các yếu tố ngoại cảnh bất lợi cho sản xuất; để sản xuất ra loại nông sản thực phẩm mà thiên nhiên không ưu đãi (trái vụ), thậm chí không sản xuất được ngoài môi trường tự nhiên (như sản xuất nấm mỡ trên sa mạc); để tối đa hóa năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất; tối thiểu hóa các khoản chi phí sản xuất và đặc biệt là để tiết kiệm nước.

Ngoài mục tiêu sản xuất ra các nông sản thực phẩm “sạch”,



Kết cấu nhà kính cần bảo đảm nguyên tắc cứng, nặng, đủ độ bền vững để chống lại gió mạnh

an toàn cho sử dụng, canh tác nhà kính đã tạo ra một cuộc cách mạng về năng suất cho các loại cây trồng. Nhờ canh tác nhà kính mà năng suất cà chua ở Israel đã đạt mốc 500 tấn/ha/vụ hay 3 triệu bông hồng/ha; cũng nhờ công nghệ canh tác nhà kính mà Israel đã biến sa mạc Negev toàn cát, đá trở thành một “cánh đồng xanh công nghệ cao” có năng suất cây trồng cao nhất thế giới. Trong mấy thập kỷ qua, nhà kính ở Israel chủ yếu sử dụng cho canh tác hoa, rau, các loại cây màu thực phẩm đòi hỏi chất lượng sản phẩm cao như ớt, hành, tỏi, dưa... Những năm gần đây, các loại hình công nghệ nhà kính ở Israel không ngừng được phát triển, nâng cao trình độ công nghệ, đáp ứng chi tiết hơn, đa

dạng hơn các nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Cùng với việc đẩy mạnh phát triển công nghệ nhà kính cho ngành trồng trọt, Israel còn phát triển thêm một số loại hình nhà kính sử dụng cho ngành chăn nuôi, chủ yếu cho chăn nuôi gia cầm và nuôi trồng thủy hải sản công nghệ cao trên sa mạc.

Nhà kính công nghệ cao Israel, ngoài việc đảm bảo yêu cầu kết cấu bền vững, yêu cầu cho việc thực hiện cơ giới hóa đến mức cao nhất các công đoạn sản xuất, nhà kính còn có thể cho phép đáp ứng đến mức cao nhất các nhu cầu về kiểm soát “tiểu khí hậu nhà kính”; kiểm soát “sinh học nhà kính”; kiểm soát “dịch hại” nhà kính; và thực hiện các biện pháp điện toán điều

chỉnh các yếu tố môi trường sinh thái nhà kính.

Ứng dụng công nghệ nhà kính để sản xuất rau siêu sạch ở Việt Nam

Israel - một đất nước có 50% diện tích là sa mạc lại sở hữu nền nông nghiệp hiện đại hàng đầu thế giới. Câu chuyện thần kỳ về sức mạnh công nghệ chiến thắng thiên nhiên của Israel đã đến Việt Nam và Nông trường VinEco Vĩnh Phúc là nơi vừa chính thức cho ra mắt sản phẩm rau nhà kính đầu tiên.

Hệ thống nhà kính VinEco Tam Đảo do Tập đoàn Vingroup đầu tư có diện tích 4,5ha, sử dụng công nghệ nổi tiếng của Teshuva Agricultural Projects (TAP, Israel) là Công ty duy nhất trên thế giới cung cấp bí quyết công nghệ sản



xuất rau mầm microgreen, rau trên hệ thống thủy canh màng mỏng dinh dưỡng cải tiến và công nghệ trồng thủy canh tưới nhỏ giọt.

Đây là những công nghệ mà toàn bộ các giai đoạn từ gieo hạt đến thu hoạch đều được kiểm soát tự động và khép kín nhằm đảm bảo độ sạch 100%, cũng như cho giá trị dinh dưỡng cao như vitamin A, B, C, E, canxi, các loại khoáng chất (Fe^{++} , Zn^{++}), axit amin, đạm dễ tiêu... Trong đó, công nghệ rau mầm microgreen được thiết kế theo dây chuyền tự động khép kín, cho sản phẩm rất sạch. Còn công nghệ màng mỏng dinh dưỡng giúp cây trồng được cung cấp dinh dưỡng trực tiếp đến tận rễ nhằm tối ưu hóa quá trình sinh trưởng, đồng thời ngăn chặn ô nhiễm nguồn nước do không gây đọng nước và thiếu oxy trong rễ...

Theo ông Pepe Heiblum (chuyên gia nông nghiệp Israel): “Nhà kính có hệ thống lưới, màng ngăn mưa, chặn côn trùng giúp chủ động kiểm soát sâu bệnh, hạn chế tối đa việc sử dụng thuốc trừ sâu cũng như dư lượng Nitrat mà nếu trồng theo phương pháp thông thường sẽ khó kiểm soát. Ngoài ra, nếu nhà kính có cào cào hay ong, bướm lọt vào, các chuyên viên kỹ thuật sẽ bị phạt. Vì thế, chiếc quạt “khổng lồ” được treo ngay phía trên cửa ra vào sẽ có nhiệm vụ thổi ngược để côn trùng bên ngoài không được phép xuất hiện trong nhà kính”.

Theo Thạc sĩ Lại Đức Lưu (Đội trưởng Đội Sản xuất Nhà kính VinEco Vĩnh Phúc): “Hệ thống tưới tự động bằng nguồn nước sạch, phun sương để giữ ẩm, điều khiển khí hậu chính là não bộ của nhà kính. Máy sẽ kiểm soát và thông báo những khu vực nào rau đang khô cần phun nước, khu vực nào cần mở kính để lấy ánh sáng, khi nào nhà kính thiếu độ ẩm. Máy cũng cho biết thông tin rau đang ở giai đoạn còn non hay đã trưởng thành và cả lịch thu hoạch”.

Ông Avner Shohet - Giám đốc Phát triển kinh doanh (TAP, Israel) chia sẻ: “Các sản phẩm nông nghiệp được sản xuất từ công nghệ nhà kính sẽ có nhiều ưu điểm như: Toàn bộ các công đoạn từ gieo hạt đến thu hoạch đều được kiểm soát hoàn toàn tự động và khép kín nhằm đảm bảo giá trị dinh dưỡng cao trong rau. Hệ thống lưới chắn côn trùng được thiết kế hiện đại xung quanh nhà kính, hệ thống tưới tự động bằng nguồn nước sạch nên các sản phẩm rau mầm trồng trong nhà kính VinEco được kiểm soát hoàn toàn khỏi sâu bệnh, đảm bảo tối đa các tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn thực phẩm.

Rau ở ngoài ruộng sẽ có lá già, lá bệnh nhưng rau nhà kính không phụ thuộc vào thời tiết, sinh trưởng đồng đều, cho năng suất cao gấp 3 - 6 lần so với rau đồng ruộng. Đặc biệt, rau nhà kính do không phụ thuộc vào mùa vụ nên đã hạn chế tối đa việc sử dụng thuốc

trừ sâu, đảm bảo tối đa các tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn thực phẩm. Cũng nhờ công nghệ nhà kính hiện đại, phía VinEco có thể sản xuất những bộ giống rau mầm nhập khẩu đa dạng và độc đáo, chưa xuất hiện trên thị trường nội địa.”

Có thể thấy, so với phương pháp sản xuất truyền thống, phương pháp sản xuất trong nhà kính với hệ thống tưới tiêu, dinh dưỡng thông minh cùng hệ thống điều khiển khí hậu hợp lý được tự động hóa sẽ giúp cho người sản xuất kiểm soát toàn bộ các yếu tố tác động đến quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng. Sản xuất trong nhà kính đảm bảo đáp ứng tốt nhất nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu nhờ sự ổn định trong sản xuất, linh hoạt thay đổi mùa vụ, hạn chế tác động bất lợi của thời tiết.

Tin tưởng rằng, với những thế mạnh của thị trường bán lẻ Việt Nam, các sản phẩm nông nghiệp giàu dinh dưỡng, an toàn sản xuất theo công nghệ nhà kính sẽ nhanh chóng đến được với người tiêu dùng và đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu./.

NT

HOÀN THIỆN BẢN ĐỒ CÔNG NGHỆ SẼ GIÚP NÂNG CAO VỊ THẾ NGÀNH LÚA GẠO VIỆT NAM TRONG TƯƠNG LAI

Trong ngành nông nghiệp, đổi mới công nghệ đã đóng góp đến 35% tăng trưởng trong thời gian qua, khi các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng khác là lực lượng lao động và quỹ đất ngày một giảm đi. Đặc biệt, trong ngành sản xuất lúa gạo, việc ứng dụng và đổi mới công nghệ đã đưa ngành sản xuất lúa gạo Việt Nam đứng trong top 3 các nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Mới đây, bản đồ công nghệ trong chọn tạo giống lúa do GS. Trần Duy Quý (Viện Nghiên cứu Hợp tác Khoa học Kỹ thuật châu Á - Thái Bình Dương) và nhóm nghiên cứu thực hiện vừa hoàn thiện, kỳ vọng ngành lúa gạo Việt Nam tiếp tục khẳng định được vị thế trong tương lai.

Hoàn thiện bản đồ công nghệ cho ngành chọn tạo giống lúa

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, cạnh tranh ngày càng cao cùng với biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, ngành nông nghiệp nói chung và sản xuất lúa gạo nói riêng cần có những chiến lược đổi mới và phát triển công nghệ phù hợp, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi hàng hóa từ chiều rộng sang chiều sâu, hướng tới nền nông nghiệp sản xuất theo chuỗi hàng hóa, có giá trị gia tăng cao. Do đó, bản đồ công nghệ chọn tạo giống lúa được xây dựng với mục đích cho thấy hiện trạng công nghệ ở Việt Nam gắn liền với thị trường và sản phẩm.

Bản đồ công nghệ cho ngành chọn tạo giống lúa, sản xuất lúa gạo Việt Nam sẽ cho biết công nghệ tạo giống lúa đang ở viện nào, nơi nào có thể mạnh nhất, những doanh nghiệp đang ứng dụng để phân bổ nguồn lực hợp lý, giúp ngành



Hội nghị Báo cáo kết quả xây dựng bản đồ công nghệ trong lĩnh vực chọn tạo giống lúa và sản xuất lúa gạo

lúa gạo phát triển bền vững. Đồng thời, “bản đồ công nghệ chọn tạo giống lúa cũng chỉ ra Việt Nam đang sở hữu những công nghệ nào, ở đâu? Khoảng cách của Việt Nam so với thế giới ra sao? Việt Nam có thể sản xuất được sản phẩm nào trong phân khúc thị trường nào? Năng lực vận hành, năng lực nghiên cứu ở Việt Nam đến đâu và đáp ứng như thế nào đối với yêu cầu phát triển công nghệ, sản phẩm” - Ông Tạ Việt Dũng, Cục trưởng Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ cho biết.

Bản đồ công nghệ ngành chọn tạo giống lúa, sản xuất lúa gạo cũng đã chỉ ra, Việt Nam có khả năng đáp ứng 100% nhu cầu giống lúa thuần, còn với giống lúa lai chỉ đáp ứng được 33%, còn lại phải nhập khẩu từ Trung Quốc và Ấn Độ với giá trị nhập khẩu xấp xỉ 35 triệu USD. Trong đó, tỷ trọng xuất khẩu các giống



lúa chất lượng cao còn thấp, chưa có giống xuất khẩu mang thương hiệu Việt Nam. Vì vậy, bản đồ công nghệ chọn tạo giống lúa được hoàn thành đã cung cấp thông tin định hướng công nghệ tương lai để sản xuất giống chất lượng tốt, năng suất cao, chống chịu với những yếu tố bất lợi như rầy nâu, đạo ôn, bạc lá, virus, hạn mặn, ngập.

Những tác dụng tích cực của bản đồ công nghệ trong lĩnh vực chọn tạo giống lúa, đã được TS. Đào Thế Anh, Phó Viện trưởng Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm khẳng định: “Những nước xuất khẩu gạo thơm chất lượng cao hàng đầu hiện nay là Thái Lan, Ấn Độ hay Pakistan thì họ dựa rất nhiều vào các giống bản địa. Việt Nam cũng có rất nhiều giống bản địa với nhiều ưu điểm riêng nhưng thời gian qua chúng ta chưa chú ý khai thác, đưa vào bản đồ gene. Với bản đồ công nghệ, bao gồm bản đồ gene các giống lúa, sẽ giúp rút ngắn thời gian chọn tạo giống, cải thiện các giống bản địa theo hướng khắc phục nhược điểm, giữ lại các ưu điểm”.

Cũng theo TS. Đào Thế Anh, đáng chú ý là nhiều giống lúa bản địa quý của Việt Nam đang có nguy cơ biến mất do không được khai thác hiệu quả. Việc xây dựng bản đồ gene về lâu dài có tác động tích cực cho kinh tế nông hộ, đặc biệt là nông hộ nhỏ, vùng miền núi. Ở đây, có nhiều giống bản địa quý nhưng đang ở dạng tiềm năng. Việc xây dựng bản đồ công nghệ sẽ giúp các giống bản địa đang ở dạng tiềm năng được đưa vào canh tác, trở thành các sản phẩm hàng hóa có chất lượng, phát huy những giá trị quý, đồng thời cải thiện các nhược điểm của những giống bản địa, đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng trong và ngoài nước.

Việc xây dựng bản đồ công nghệ cho ngành chọn tạo giống lúa, sản xuất lúa gạo tại Việt Nam đã đánh giá một cách khách quan và toàn diện hiện trạng năng lực công nghệ, sản xuất trong ngành, với bản đồ này, Việt Nam xác định được thời gian tới sẽ sản xuất sản phẩm nào nhờ công nghệ gì và xác định được năng lực cạnh tranh, từ đó nâng cao vị thế ngành lúa gạo Việt Nam trên trường quốc tế.

Hướng tới xây dựng bản đồ công nghệ các ngành

Từ việc xây dựng, hoàn thiện bản đồ công nghệ cho ngành chọn tạo giống, sản xuất lúa gạo, Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục hướng đến xây dựng bản đồ công nghệ các ngành khác để tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam như: Năm 2016 sẽ hoàn thành bản đồ công nghệ trong lĩnh vực sản xuất vắc-xin; đến năm 2017 - 2018 là bản đồ lĩnh vực công nghệ gene, tế bào gốc, ngành sản xuất vật liệu và linh kiện điện tử, bán dẫn... Đến năm 2020, Việt Nam sẽ cơ bản hình thành hệ thống bản đồ công nghệ các ngành, lĩnh vực sản xuất quan trọng của đất nước, góp phần đảm bảo đúng định hướng thúc đẩy phát triển và tăng trưởng bền vững.

Có thể thấy, mối liên quan giữa công nghệ, sản phẩm và thị trường là không thể tách rời, chính vì vậy mà một công nghệ được sử dụng sẽ cho biết là có thể sản xuất ra những sản phẩm nào và sản phẩm đó chiếm lĩnh được thị trường nào trong rất nhiều phân khúc khác nhau. Điều này cho thấy, việc xây dựng bản đồ công nghệ cho các ngành kinh tế chủ lực của Việt Nam là cần thiết, bản đồ công nghệ cũng cung cấp nhiều thông tin liên quan đến thị trường, công nghệ và sản phẩm, đánh giá được năng lực công nghệ trong các ngành, lĩnh vực sản xuất cụ thể. Đồng thời, việc xây dựng bản đồ công nghệ từng ngành cũng hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ và thực hiện hoạt động đầu tư nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ một cách rõ ràng, hiệu quả.

Các nhánh công nghệ đã được xác định cần tập trung đầu tư trong tương lai gồm công nghệ lai hữu tính, công nghệ chỉ thị phân tử, công nghệ đột biến bằng tác nhân vật lý, công nghệ gene. Các định hướng đã được đề xuất có tính thuyết phục và tính khả thi cao. Các kết quả nghiên cứu là cơ sở quan trọng trong việc đưa ra các chiến lược, định hướng phát triển cụ thể, cũng như xây dựng và thực hiện các chương trình nghiên cứu trong thời gian tới./.

HT

GIẢM Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG CHĂN NUÔI NHỜ CHẾ PHẨM SINH HỌC

Hiện nay, bên cạnh lợi ích kinh tế mà ngành chăn nuôi mang lại, sự gia tăng chất thải trong chăn nuôi đang nảy sinh nhiều vấn đề về môi trường, đe dọa sức khỏe của cộng đồng dân cư và ảnh hưởng đến toàn bộ hệ sinh thái tự nhiên. Do đó, cùng với việc phát triển kinh tế thì bài toán cho vấn đề ô nhiễm môi trường cũng ngày càng được quan tâm, ưu tiên nghiên cứu. Mới đây, việc sử dụng chế phẩm sinh học BioWish™ 3PS (gọi tắt là BioWish) để xử lý chất thải trong chăn nuôi đang mang đến hy vọng mới trong việc giải bài toán ô nhiễm cho nhiều vùng nông thôn.

Bắc Giang là tỉnh được đánh giá có thứ hạng chăn nuôi với tổng đàn lợn hiện có khoảng 1,2 triệu con, đứng thứ 3 toàn quốc (sau Hà Nội và Đồng Nai); đàn gia cầm 15,6 triệu con, đứng thứ 4 toàn quốc (sau Hà Nội, Nghệ An và Thanh Hóa)... Song song với sự phát triển đó, các vấn đề môi trường đặt ra được ngành nông nghiệp Bắc Giang quan tâm, tìm hướng giải quyết.

Tháng 5/2016, chế phẩm sinh học BioWish (sản phẩm của Tập đoàn BioWish Hoa Kỳ) được Hội Nông dân Việt Nam phối hợp với Hội Nông dân tỉnh Bắc Giang, Công ty TNHH Enzyrna (nhà phân phối độc quyền) hỗ trợ nông dân tỉnh Bắc Giang triển khai thí điểm ở 17 mô hình chăn



Gia đình chị Mẫn Thị Thu, thôn Tân Hưng, xã Bắc Lý (Hiệp Hòa) thực hiện thí điểm ứng dụng chế phẩm sinh học Biowish vào chăn nuôi lợn

nuôi, trồng trọt tại các huyện như: Tân Yên, Việt Yên, Yên Dũng, Hiệp Hòa, Yên Thế và thành phố Bắc Giang. Các hộ tham gia được hỗ trợ 100% kinh phí, hướng dẫn kỹ thuật, được cấp mẫu phiếu theo dõi để đối chứng kết quả chăn nuôi, trồng trọt theo từng giai

đoạn dưới sự giám sát của Hội Nông dân tỉnh.

Biowish được biết đến là chế phẩm sinh học có khả năng thúc đẩy nhanh sự phân hủy các tổ hợp chất hữu cơ, xử lý chất thải, khử mùi, tăng cường hình thành men vi sinh có ích. Trong nuôi trồng thủy



sản, BioWish có tác dụng giúp tăng tối đa khả năng hấp thụ dinh dưỡng cho thức ăn, tăng nhanh tốc độ tăng trưởng, tăng tỷ lệ sống; làm giảm tỷ lệ mắc bệnh, nhiễm bệnh, nhất là các bệnh đường ruột, nấm; phục hồi chức năng hệ tiêu hóa sau khi bị bệnh, cải thiện hiệu quả hấp thụ thức ăn, làm giảm chi phí thức ăn (khoảng 10%). Còn đối lợn, gia cầm, việc bổ sung Biowish trong thức ăn sẽ giúp cải thiện chế độ tăng trưởng của vật nuôi, tăng khả năng chuyển hóa và hấp thụ thức ăn, giảm chi phí thức ăn (khoảng 10%); tăng sức đề kháng và hệ miễn dịch; giảm khí thải NH₃, H₂S trong chất thải của lợn, gà.

Theo chia sẻ của các nhà khoa học, ưu thế của BioWish là trong 1g sản phẩm có 310 triệu vi sinh vật có lợi cho đường tiêu hóa của con vật. Trung bình, 100g BioWish có giá khoảng 100 nghìn đồng được pha trộn lẫn với 5 tạ thức ăn của lợn, gà; 1 tấn đối với thức ăn của cá theo công thức của nhà sản xuất. Nếu so sánh với các cách đầu tư thông thường, sử dụng chế phẩm BioWish không chỉ có mức chi phí hợp lý, chăn nuôi hiệu quả mà lại giải quyết được vấn đề môi trường trong chăn nuôi.

Quan trọng hơn, BioWish là chế phẩm sinh học có khả năng nhanh chóng hoàn thành quá trình phân hủy, giải phóng các chất độc hại và thúc đẩy hầu hết mọi quá trình sinh

học, được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất nông nghiệp cũng như xử lý rác, nước thải, khí thải công nghiệp...

Với các hộ tham gia thực hiện thí điểm mô hình đều có chung nhận định, chế phẩm BioWish dễ ứng dụng, chất thải trong chăn nuôi được xử lý tốt.

May mắn là một trong số hàng nghìn hộ chăn nuôi ở huyện Hiệp Hòa, gia đình anh Nguyễn Văn Hậu ở thôn Tân Hưng, xã Bắc Lý được thực hiện thí điểm ứng dụng công nghệ sinh học BioWish vào trang trại nuôi lợn. Với quy mô hơn 300con, lâu nay, gia đình anh Hậu vẫn loay hoay tìm phương án cải thiện môi trường khu vực chăn nuôi nhưng chưa thực sự hiệu quả. Nay được tiếp cận mô hình, gia đình anh rất hào hứng thực hiện.

“Theo công nghệ này, trước khi cho lợn ăn, chế phẩm BioWish được ngâm trong nước khoảng 20 phút nhằm kích thích hoạt động của vi khuẩn, sau đó trộn đều với cám công nghiệp và cho ăn thẳng. Qua theo dõi cho thấy, đàn lợn sinh trưởng tốt, mùi hôi trong chất thải vật nuôi giảm” - anh Hưng chia sẻ.

Là một hộ chăn nuôi gà tại huyện Yên Thế, anh Nguyễn Văn Khánh, thôn Chùa, xã Phồn Xương đánh giá: “Sau hơn 2 tháng ứng dụng chế phẩm Biowish trong chăn nuôi, đàn gà hơn 1.000 con

khỏe mạnh, môi trường trong chăn nuôi cải thiện đáng kể, đặc biệt, gia đình còn tiết kiệm được khoảng 3 triệu đồng chi phí mỗi tháng mua chất điện giải để chống nóng, giải độc”.

Ông Lã Văn Đoàn, Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Bắc Giang nhận định: “Với địa phương có quy mô chăn nuôi lợn, gia cầm lớn như Bắc Giang, việc sử dụng chế phẩm sinh học để tăng năng suất, chất lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường là hết sức cần thiết. Hội Nông dân tỉnh đề nghị Hội Nông dân Việt Nam hỗ trợ kinh phí xây dựng mô hình, tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, tài liệu đối với chế phẩm này... Trước mắt, sẽ vận động hội viên nông dân tiên phong ứng dụng. Bên cạnh đó, Hội cũng đề nghị UBND tỉnh ban hành cơ chế để người dân được tiếp cận với những sản phẩm công nghệ sinh học; hỗ trợ 50% giá chế phẩm BioWish trong năm 2016 - 2017, 30% những năm tiếp theo”.

Việc ứng dụng, nhân rộng chế phẩm sinh học BioWish trong chăn nuôi được coi là một giải pháp hỗ trợ mang tính tất yếu nhằm nâng cao năng suất, giá trị sản phẩm và phát triển sản xuất theo hướng bền vững, góp phần cải thiện đời sống nông dân./.

Thu Hiền

NÂNG CAO NĂNG SUẤT, CHẤT LƯỢNG, TỪNG BƯỚC KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU CHÈ YÊN THẾ

Vài năm trở lại đây, nhờ bám sát thị trường, coi trọng yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm gắn với thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ sản xuất, nhất là việc hỗ trợ nguồn vốn ưu đãi giúp nông dân cải tạo, trồng mới chè, cùng với việc áp dụng những phương pháp canh tác tiên tiến, với các khâu chăm sóc an toàn nhằm không ngừng nâng cao năng suất và chất lượng chè... nên những hiệu quả kinh tế từ việc phát triển các vùng chuyên canh chè ở huyện Yên Thế đã được cải thiện rõ rệt, thương hiệu “chè xanh Yên Thế” bắt đầu được người tiêu dùng biết đến và tin dùng.

Thời gian qua, thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần XI, nhiệm kỳ 2011-2015, Yên Thế đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu giúp UBND huyện, xây dựng kế hoạch, đề án, mô hình sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, trong đó, cây chè được xác định là một trong 6 cây hàng hóa cần tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất. Năm 2011, huyện xây dựng Đề án Phát triển vùng sản xuất chè nguyên liệu nhằm tạo vị thế mới cho cây chè.

Với điều kiện thuận lợi về đất đai, thổ nhưỡng, tiểu vùng khí hậu phù hợp cho sự phát triển của cây chè. Trong nhiều năm qua, UBND huyện Yên Thế đã quan tâm, chỉ đạo bằng nhiều biện pháp, đã

quy hoạch, hỗ trợ mở rộng diện tích trồng chè trên địa bàn 8 xã miền núi của huyện gồm: Xuân Lương, Canh Nậu, Đông Vương, Đông Tiến, Tam Tiến, Hồng Kỳ, Đông Tâm, Phồn Xương.

Cùng với việc mở rộng diện tích, huyện luôn quan tâm đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ sản xuất đối với người trồng chè. Theo đó, HĐND huyện thông qua mức hỗ trợ thực hiện Đề án Phát triển vùng sản xuất chè nguyên liệu trên địa bàn huyện, trong đó, các hộ tham gia đề án khi trồng mới và cải tạo thâm canh chè được hỗ trợ lãi suất vốn vay và tập huấn chuyển giao kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hái, bảo quản chè nguyên liệu. Hỗ trợ kinh phí 10 triệu đồng/ha từ ngân sách để trồng và chăm sóc đối với diện tích chè trồng mới; hỗ trợ 5 triệu đồng/ha đối với cải tạo nương chè già cỗi. Các hộ

trồng mới có nhu cầu sử dụng vốn vay ngân hàng sẽ được ngân sách huyện bù chênh lệch lãi suất tiền vay... Nhờ đó, từ năm 2010 đến hết năm 2015, toàn huyện đã trồng mới được trên 130ha chè các loại như: PH1, LDP1, LDP2... qua đó nâng tổng diện tích chè lên tới gần 500ha.

Bên cạnh động viên nông dân mở rộng diện tích trồng chè, UBND huyện còn chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tích cực hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật trồng và chăm sóc theo quy trình sản xuất chè sạch, đồng thời hỗ trợ giá giống, phân bón, một phần thuốc bảo vệ thực vật, máy chế biến chè; tăng cường liên kết “4 nhà”, bao tiêu sản phẩm, tạo đầu ra ổn định. Nhờ đó, chè Yên Thế từng bước nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế. Theo thống kê, đến giữa tháng 6/2016, với gần 500ha



Chè Yên Thế từng bước được khẳng định thương hiệu trên thị trường

chè đang cho thu hoạch, sản lượng chè búp tươi của huyện Yên Thế đã đạt khoảng trên 2,3 nghìn tấn, tăng gần 500 tấn so với cùng kỳ năm 2015. Sản lượng chè búp tươi chủ yếu tập trung tại các xã vùng cao nằm trong vùng quy hoạch sản xuất chuyên canh chè nguyên liệu trên địa bàn 8 xã. So với các năm trước, vụ chè năm nay có giá thu mua cao hơn hẳn. Với mức giá bình quân 15 nghìn đồng/kg, ước tính giá trị kinh tế từ cây chè mang lại cho người sản xuất trong 6 tháng đầu năm 2016 vào khoảng trên 30 tỷ đồng. Dự kiến, năm 2016, tổng sản lượng sẽ đạt trên 4.000 tấn chè.

Đi đôi với tăng năng suất thì việc sản xuất chè sạch, chè an toàn là hướng đi chính. Để từng bước nhân rộng mô

hình trồng chè sạch, huyện đã thực hiện hàng loạt các chương trình như: Phối hợp với Ban Quản lý dự án Qseap, Chi cục Quản lý Chất lượng Nông - Lâm - Thủy sản (Sở Nông nghiệp và PTNT) tổ chức các lớp tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP cho nông dân. Bước đầu đã hình thành được vùng sản xuất tập trung và 18 tổ, nhóm sản xuất chè an toàn ở hai xã Xuân Lương và Đồng Tâm.

Đi tham quan đồi chè đang vào vụ thu hoạch của gia đình chị Phan Thị Liễu ở bản Trại Hạ, xã Đồng Tiến, huyện Yên Thế, chị phấn khởi cho biết: “Chè vốn là cây trồng truyền thống ở Đồng Tiến song trước đây, vì nhiều nguyên nhân nên năng suất cây chè của gia đình

tôi không cao. Gần đây, được sự quan tâm, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất bền vững của cán bộ khuyến nông đã giúp gia đình tăng thu nhập. Năm 2015, với hơn 2ha chè, gia đình tôi thu về hơn 100 triệu. Thời gian tới, gia đình tôi sẽ mở rộng thêm diện tích sản xuất chè”.

Theo ông Phạm Xuân Dương, Chủ tịch Hội Nông dân huyện Yên Thế: “Những năm gần đây, búp chè tươi được giá, thị trường ổn định và được hỗ trợ từ các nguồn tín dụng ưu đãi nên nhìn chung, bà con nông dân khá yên tâm sản xuất”.

Đến xã Xuân Lương, một xã dẫn đầu trong phát triển vùng chuyên canh chè ở huyện Yên Thế, ít ai biết cây chè đã gắn bó với người dân nơi đây

từ những năm 80 của thế kỷ trước nhưng khi đó hiệu quả kinh tế thu được không cao. Với quyết tâm phát triển cây chè theo hướng bền vững, cấp ủy, chính quyền xã đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp xây dựng thương hiệu chè Xuân Lương. Đến nay, toàn xã có trên 300ha diện tích đất trồng chè, chiếm 60% diện tích trồng chè toàn huyện với các giống chè năng suất cao, chất lượng tốt, cho thu hoạch hàng trăm tấn chè thành phẩm mỗi năm. Theo tính toán, nếu tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất VietGAP thì giống chè mới có thể cho năng suất cao gấp 3 - 3,5 lần các giống chè truyền thống. Năng suất cao, chất lượng bảo đảm, được người tiêu dùng ưa chuộng, cây chè đã giúp cuộc sống của người dân Xuân Lương được cải thiện đáng kể; trong đó, nhiều hộ gia đình đã vươn lên làm giàu nhờ phát triển cây chè theo hướng chuyên canh chất lượng cao.

Ông Ninh Quảng Nghiệp, Chủ tịch UBND xã Xuân Lương cho biết: “Ở Xuân Lương bây giờ không chỉ có vùng chuyên canh chè mà còn có cả các doanh nghiệp sản xuất, chế biến chè; các công ty kinh doanh, xuất khẩu chè... Nhờ cây chè mà xã đã vươn lên trở thành địa phương có tốc độ phát triển cao trong huyện”.

Theo đồng chí Lưu Xuân Vượng, Bí thư Huyện ủy Yên Thế. “Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần

thứ XXI, thời gian tới, địa phương sẽ tập trung thực hiện quy hoạch vùng chè Yên Thế, phấn đấu đến năm 2020 trồng mới hơn 200ha chè, nâng tổng diện tích canh tác lên 700ha, với mục tiêu phát triển cây chè thành một sản phẩm nông nghiệp hàng hóa thế mạnh gắn với các vùng chuyên canh năng suất cao, chất lượng tốt. Trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là tăng diện tích vùng sản xuất chuyên canh với chất lượng cao, có quy mô từ 2 - 3 thôn bản liền kề trở lên, tạo điều kiện thuận lợi trong đầu tư chăm sóc, chế biến và tiêu thụ, gắn với việc đẩy mạnh sử dụng giống chè chủ lực là Kim Tuyên, PH8, PH9, LDP1, LDP2... và chuyển hướng sản xuất sang quy trình trồng, thâm canh bằng phương pháp VietGAP, hỗ trợ bà con xây dựng mô hình tưới tiết kiệm bằng công nghệ nhỏ giọt”.

Bám sát đặc điểm sản xuất của nông dân trên địa bàn, đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ, chú trọng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật gắn với đa dạng cơ cấu các giống chè và bảo đảm tốt đầu ra cho sản phẩm, hiệu quả sản xuất tại các vùng chuyên canh cây chè đã góp phần quan trọng tăng thu nhập, cải thiện đời sống của người dân ở huyện vùng cao Yên Thế.

Năm 2014, việc Cục Sở hữu Trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu tập thể cho chè bản Ven, xã Xuân Lương, huyện Yên Thế đã giúp xây dựng thương hiệu, tạo điều

kiện thuận lợi cho tiêu thụ và quảng bá sản phẩm.

Để tiếp tục giữ vững thương hiệu đã xây dựng, các cơ quan chuyên môn của huyện đang vận động bà con chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm chè, cam kết áp dụng đúng quy trình sản xuất an toàn, không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Cùng với đó, huyện có cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm của mình mức 20 triệu đồng/nhãn hiệu. UBND các xã cũng tạo điều kiện thuận lợi trong việc dồn đổi ruộng, chuyển đổi chân ruộng cao cho thu nhập thấp sang trồng chè, vận động người dân thành lập tổ, nhóm sản xuất, hỗ trợ giống, vốn, kỹ thuật giúp nhau sản xuất. Mới đây, UBND huyện vừa thông qua Đề án “Nâng cao chất lượng sản xuất chè hàng hóa huyện Yên Thế giai đoạn 2016 - 2020”.

Với hàng loạt những hoạt động nhằm nâng cao năng suất, chất lượng vùng chuyên canh chè Yên Thế, tin tưởng, trong tương lai không xa, thương hiệu “chè sạch Yên Thế” sẽ khởi sắc, vừa là cây xóa đói, giảm nghèo, vừa là loại cây trồng hàng hóa mang lại thu nhập cao cho đồng bào các dân tộc nơi đây./.

Vũ Thắng

DOANH NGHIỆP VỚI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ

Những năm gần đây, việc ứng dụng rộng rãi các trang thiết bị có hiệu suất cao, thay thế dần các trang thiết bị có hiệu suất thấp, tiến tới loại bỏ các trang thiết bị công nghệ lạc hậu; áp dụng các tiêu chuẩn và định mức kỹ thuật tiên tiến, rà soát việc sử dụng năng lượng ở các khâu trong quá trình sản xuất, đặc biệt là sử dụng những loại nhiên liệu thay thế giá rẻ đang được nhiều doanh nghiệp Bắc Giang quan tâm, áp dụng. Nhờ đó, nhiều loại phế liệu, phụ phẩm giá trị thấp, thậm chí không có giá trị đã biến thành nguồn năng lượng hữu ích.

Bắc Giang là tỉnh với nhiều làng nghề mộc truyền thống và hàng trăm cơ sở chuyên bóc, băm gỗ. Quá trình sản xuất hàng ngày, các cơ sở chế biến gỗ này tạo ra một lượng lớn mùn cưa, đầu mẩu gỗ, củi các loại. Số phụ phẩm này một phần được dùng làm chất đốt cho các hộ ở khu vực nông thôn, còn phần lớn phải đốt bỏ ảnh hưởng xấu tới môi trường. Thế nhưng, mấy năm gần đây, nguồn phế liệu ít giá trị này



Giá thành đầu tư cho 1 tấn giấy sản phẩm của Nhà máy giấy Xương Giang đã giảm từ 200-300 nghìn đồng nhờ hệ thống lò đốt mới.

lại được nhiều doanh nghiệp sử dụng, biến thành năng lượng hữu ích trong quá trình sản xuất.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bắc Giang là một doanh nghiệp điển hình trong việc tận dụng mùn cưa, đầu mẩu gỗ, củi các loại thay thế cho nguồn nguyên liệu trước đây đơn vị vẫn thường sử dụng là than trong sản xuất giấy các loại. Được biết, từ khi xây dựng Nhà máy giấy Xương Giang (năm 2006) đến năm 2014, Công ty sử dụng than để vận hành

lò hơi sấy giấy. Hàng tháng, đơn vị phải chi một lượng tiền không nhỏ mua nguồn nhiên liệu không tái tạo này.

Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, đồng thời với mong muốn giảm chi phí đầu vào, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, đơn vị đã nghiên cứu cải tiến lò hơi trước đây thành lò hơi tầng sôi không sử dụng than mà dùng mùn cưa, đầu mẩu gỗ, củi... Sáng kiến này đã mang lại hiệu quả rõ nét.

Ông Hà Ngọc Hoa, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bắc Giang cho biết: “Mỗi tháng, chúng tôi sản xuất khoảng 2.500 tấn giấy các loại. Từ khi sử dụng nguồn phế liệu này, giá thành đầu tư cho 1 tấn giấy sản phẩm giảm 200-300 nghìn đồng. Hiện nay, đơn vị đang đầu tư thêm một dây chuyền sản xuất mới và tiếp tục sử dụng lò hơi tăng sôi để sấy giấy”.

Trong quá trình sản xuất, các doanh nghiệp may mặc thải ra một lượng không nhỏ vải vụn. Nguồn nguyên liệu này thường bị bỏ đi hoặc bán với giá không đáng kể. Trong khi đó, các đơn vị này vẫn phải mua nhiên liệu để vận hành lò hơi cung cấp hơi cho hệ thống cầu là, hấp vải. Công ty Cổ phần May xuất khẩu Hà Bắc cũng không ngoại lệ.

Từ thực tế đó, sau khi được Trung tâm Tiết kiệm Năng lượng Bắc Giang (nay sáp nhập vào Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp Bắc Giang) kiểm toán năng lượng, tư vấn các giải pháp tiết kiệm điện, nhiên liệu, trong các năm 2013, 2014, Công ty đã tiến hành cải tạo lại toàn bộ hệ thống điện, thay thế thiết bị tiêu hao năng lượng nhiều bằng các thiết bị tiết kiệm năng lượng; mô tơ máy may cơ được thay bằng hộp mô tơ điện tử tiết kiệm điện; lắp thêm hệ thống dàn lạnh làm mát bằng nước nhằm giảm thiểu tối đa lượng quạt điện sử dụng...

Đặc biệt, Công ty Cổ phần May xuất khẩu Hà Bắc mạnh dạn đầu tư hơn 5 tỷ đồng mua hệ thống lò đốt theo công nghệ mới của Hàn Quốc để tận dụng nguồn vải vụn và rác thải của đơn vị thay thế cho hệ thống lò đốt trước đó sử dụng than, điện đáp ứng nhu cầu cấp hơi cho bộ phận là, hấp vải. Đồng thời, tận dụng nhiệt từ lò hơi để nấu cơm, sinh hoạt cho cán bộ, công nhân lao động. Nhờ hệ thống lò đốt mới này, Công ty tiết kiệm được chi phí mua nhiên liệu, giảm lượng khí thải, bảo vệ môi trường. Năm 2015, qua kiểm tra, với sản lượng năng lượng tiêu thụ của Công ty giảm đáng kể, doanh nghiệp đã được loại ra khỏi danh sách các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm do Chính phủ quy định.

Theo thông tin từ Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp Bắc Giang, nhiều doanh nghiệp may mặc khác trên địa bàn như Công ty Cổ phần May xuất khẩu Hà Phong, Công ty TNHH Việt pan Pacific World (Hiệp Hòa) cũng sử dụng vải vụn làm chất đốt lò hơi phục vụ sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, cùng với hoạt động tuyên truyền, tập huấn, hội thảo, giới thiệu công nghệ mới, từ năm 2011 đến nay, Bắc Giang đã tổ chức hỗ trợ kiểm toán năng lượng cho 30 lượt doanh nghiệp nhằm đánh giá thực

trạng hoạt động của hệ thống tiêu thụ năng lượng, từ đó xác định những khu vực, thiết bị sử dụng năng lượng lãng phí và đưa ra các giải pháp điều chỉnh; tư vấn cho nhiều doanh nghiệp xây dựng mô hình quản lý năng lượng theo TCVN ISO 50001:2012. Trên cơ sở đó và từ thực tế sản xuất, nhiều doanh nghiệp đã lựa chọn sử dụng nhiên liệu thay thế phù hợp, tiết kiệm và hiệu quả hơn, trong đó có mùn cưa, đầu mẩu gỗ, củi các loại.

Ông Dương Văn Tuấn, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp Bắc Giang cho biết: “Việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả không chỉ mang lại lợi ích cho doanh nghiệp mà còn góp phần quan trọng vào việc bảo vệ môi trường, cuộc sống. Vì vậy, Nhà nước rất khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng năng lượng tái tạo, nhiên liệu, phụ phẩm giá rẻ thay thế cho nguồn năng lượng không tái tạo như than, dầu mỏ trong quá trình sản xuất”.

Cũng theo ông Tuấn, từ nay đến năm 2020, Trung tâm sẽ tiếp tục phối hợp với các cơ quan truyền thông nâng cao nhận thức cho chủ doanh nghiệp về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất, đồng thời tư vấn, hỗ trợ các đơn vị thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng một cách hiệu quả nhất./.

Nam Nguyên

KẾT QUẢ SAU 2 NĂM THỰC HIỆN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA GIAI ĐOẠN 2014 - 2020

Ngày 02/4/2014, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 802/KH-UBND về việc xây dựng và phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp hàng hóa của tỉnh giai đoạn 2014 - 2020. Sau hơn 2 năm thực hiện đã đạt được một số kết quả:

Công tác chỉ đạo, tuyên truyền: Ngay sau khi UBND tỉnh ban hành Kế hoạch, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các đơn vị liên quan như Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Công Thương, Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai. Cụ thể, đã xuất bản 3.900 cuốn tập san Khuyến nông, Thông tin KH&CN, Chuyên san Nông thôn - Miền núi, 16.000 cuốn lịch KH&CN, hơn 1.200 tin, bài, phóng sự liên quan đến

phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp; tổ chức 2 lớp tập huấn về sở hữu trí tuệ tại Lục Ngạn, Hiệp Hòa, 4.600 lớp tập huấn, hội thảo đầu bờ về các quy trình kỹ thuật sản xuất hàng hóa nông - lâm nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP...

Ban hành chính sách về phát triển nông nghiệp hàng hóa: Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của mình, các Sở, ngành liên quan đã đề xuất, tham mưu cho UBND tỉnh một số chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp hàng hóa, sản xuất theo hướng bền vững, chất lượng, hiệu quả như: Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu ban hành 1 quy định thuộc lĩnh vực chăn nuôi (năm 2014), 3 quyết định thuộc lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi (năm 2015), 4 quyết định thuộc lĩnh vực trồng trọt, thủy sản và làng nghề (năm 2016); Sở Công Thương

đã tham mưu xây dựng 2 mô hình thí điểm chuỗi liên kết “chăn nuôi – thu mua – tiêu thụ” và “chăn nuôi – giết mổ, chế biến – tiêu thụ” gà an toàn cho thành phố Hà Nội và các thị trường khác (năm 2014), xây dựng đề án phát triển rượu làng Vân, xã Vân Hà, huyện Việt Yên, Kế hoạch điều tra, thống kê sản phẩm hàng hóa đặc sản, chủ lực của tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành một số công văn, giấy mời các đơn vị, địa phương tham gia Hội chợ triển lãm Công Thương khu vực Đông Bắc – Bắc Giang nhằm đẩy mạnh việc xúc tiến thương mại; UBND các huyện, thành phố có văn bản chỉ đạo hỗ trợ người dân trực tiếp sản xuất ra sản phẩm như nấm, khoai tây, rau chế biến phục vụ xuất khẩu.

Duy trì và giữ vững thương hiệu đã được bảo hộ: Đối với các sản phẩm nông sản đã



Đóng gói sản phẩm tại Hợp tác xã Sản xuất và Tiêu thụ rau an toàn Đa Mai (TP Bắc Giang)

được bảo hộ, các nhà sản xuất, Hội, ngành hàng sản xuất đã tiến hành giám sát lẫn nhau ngay từ ban đầu để khi sản phẩm xuất bán ra thị trường đảm bảo theo quy định. Bên cạnh đó, UBND tỉnh và UBND thành phố Hà Nội đã hợp tác, liên kết chuỗi sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hàng hóa chủ lực, nhiều sản phẩm nông sản được bán tại các siêu thị, cửa hàng tiện ích, chợ đầu mối như: Gà đồi Yên Thế, vải thiều Lục Ngạn, mỳ Chũ... Ngoài ra, một số sản phẩm tiêu biểu của tỉnh tiếp tục được đăng ký bảo hộ tại nước ngoài như: Vải thiều Lục Ngạn đăng ký bảo hộ

tại 9 quốc gia, tính đến tháng 6/2016 đã được cấp văn bằng bảo hộ tại 5 quốc gia (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Lào, Campuchia), đã có thông báo cấp văn bằng của 2 quốc gia là Singapore, Úc; sản phẩm mỳ Kế, mỳ Chũ được cấp văn bằng bảo hộ tại Nhật Bản và đã có thông báo cấp văn bằng tại Hàn Quốc; sản phẩm gà đồi Yên Thế được cấp văn bằng bảo hộ tại Lào.

Xây dựng các thương hiệu sản phẩm mới: Đến nay, toàn tỉnh có 937 đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, trong đó, có 572 nhãn hiệu được Cục Sở hữu Trí tuệ cấp văn

bằng bảo hộ. Theo Kế hoạch số 802/KH-UBND, đến nay, đã có 11/16 sản phẩm đăng ký dưới hình thức nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận (Còn 5 sản phẩm gồm: Gà đồi huyện Lục Ngạn, chanh đào Lạng Giang, lạc đỏ Việt Yên, gà giống Hiệp Hòa, chè Yên Thế chưa đăng ký).

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, những năm tiếp theo các Sở, ngành sẽ tiếp tục chủ động phối hợp để thực hiện tốt Kế hoạch số 802/KH-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang./.

Hoàng Thoa



Kết quả đề tài:

Nghiên cứu xác định một số căn nguyên vi rút gây hội chứng não cấp và đánh giá hiệu quả phòng bệnh viêm não Nhật Bản bằng vắc - xin tại tỉnh Bắc Giang

Đặt vấn đề:

Hội chứng não cấp (HCNC) do vi rút là bệnh thường gặp, rất nguy hiểm do tỷ lệ tử vong cao từ 10-20%, hoặc để lại di chứng thần kinh nặng nề như động kinh, giảm vận động, liệt các chi, rối loạn ngôn ngữ, giảm trí tuệ... Các di chứng thần kinh như vậy thường chiếm 10 - 30% đối với người bị mắc bệnh, để lại gánh nặng cho gia đình và xã hội.

Bắc Giang là một tỉnh miền núi cách trung tâm Thủ đô Hà Nội 53km về phía Đông Bắc, tiếp giáp với nhiều tỉnh lân cận như Hải Dương, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Nội, Bắc Ninh, Quảng Ninh. Bắc Giang là nơi giao lưu, trung chuyển thường xuyên giữa các vùng miền, tiềm ẩn những yếu tố nguy cơ mắc và bùng phát các bệnh truyền nhiễm gây dịch, nhất là HCNC do vi rút. Năm 1999, vụ dịch HCNC lớn xảy ra với số người mắc là 203 trường hợp và tử vong trên 30%, trong đó căn nguyên do vi rút viêm não Nhật Bản (VNNB) là 33,3%, số còn lại không rõ nguyên nhân. Sau vụ dịch lớn năm 1999, vắc xin phòng bệnh VNNB cho trẻ em

ở tỉnh Bắc Giang đã được tăng cường sử dụng và đến năm 2007 đạt độ bao phủ vắc - xin trên 90 % cho nhóm trẻ 1- 5 tuổi. Tuy nhiên, kết quả giám sát HCNC nghi ngờ do vi rút hàng năm của Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh Bắc Giang cho thấy, số các trường hợp HCNC nghi ngờ do vi rút không có chiều hướng giảm, trong khi số các trường hợp HCNC xác định do vi rút VNNB đã giảm khá nhanh, chỉ còn khoảng 1-5% trong những năm gần đây. Câu hỏi đặt ra là: Các trường hợp HCNC không có chiều hướng giảm ngoài căn nguyên do vi rút VNNB còn có thể do những căn nguyên vi rút nào khác nữa? Hiệu quả phòng bệnh VNNB bằng tiêm vắc - xin phòng bệnh ở Bắc Giang có hiệu lực cụ thể thế nào?

Đề tài “Nghiên cứu xác định một số căn nguyên vi rút gây hội chứng não cấp và đánh giá hiệu quả phòng bệnh viêm não Nhật Bản bằng vắc - xin tại tỉnh Bắc Giang” nhằm cung cấp bằng chứng khoa học về một số căn nguyên vi rút gây HCNC được phát hiện từ bệnh nhân ở Bắc Giang và

hiệu quả phòng VNNB bằng vắc - xin nhằm giúp cho công tác dự phòng, điều trị đối với HCNC do vi rút ở Bắc Giang.

Mục tiêu:

Xác định một số căn nguyên vi rút: Abrovirus (vi rút VNNB, vi rút Banna, vi rút Nam Định), Enterovirus (EV71), Herpesvirus (type1, type4) trên bệnh nhân mắc hội chứng não cấp tại tỉnh Bắc Giang năm 2015 - 2016.

Đánh giá hiệu quả phòng bệnh VNNB bằng vắc - xin tại tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2006-2016.

Đối tượng nghiên cứu:

- Đối tượng cho nghiên cứu mục tiêu 1:

Các bệnh nhân mắc HCNC do vi rút trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2015 - 2016.

- Đối tượng cho nghiên cứu mục tiêu 2:

Bệnh nhân HCNC và bệnh nhân VNNB xác định giai đoạn 2006 - 2016 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Trẻ em sinh từ năm 2000 - 2016 của tỉnh Bắc Giang (để xác định tình trạng tiêm vắc - xin VNNB).

Nội dung nghiên cứu:

- Nghiên cứu các bệnh

nhân mắc HCNC nghi ngờ do vi rút được khám, chuẩn đoán tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang, Bệnh viện đa khoa khu vực Lục Ngạn, Bệnh viện Sản Nhi Bắc Giang năm 2006 - 2016.

- Đánh giá hiệu quả phòng bệnh VNNB bằng vắc - xin tại tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2006 - 2016.

- Xây dựng các chuyên đề nghiên cứu.

Kết luận:

- Căn nguyên vi rút gây HCNC tại Bắc Giang, 2015 - 2016.

- Tỷ lệ HCNC do vi rút xác định được căn nguyên là 43,88%. Trong đó:

+ Căn nguyên do Abrovirus tìm thấy 3 loại Vi rút: Do VNNB là 7,14%; do BAV là 23,46%, do NDiV là 1,02%. BAV và NDiV là loại Vi rút gây HCNC lần đầu tiên được phát hiện trên bệnh nhân tại Bắc Giang.

+ Căn nguyên do Enterovirus xác định do EV là 22,45%, đây cũng là loại Vi rút gây HCNC lần đầu tiên được phát hiện trên bệnh nhân tại Bắc Giang. Chưa phát hiện ca bệnh nào dương tính với EV 71.

+ Chưa xác định được ca bệnh HCNC nào có căn nguyên do Herpesvirus (type1 và type4).

- Trong 22 ca HCNC nhiễm EV có 4 ca đồng nhiễm BAV; trong 23 ca nhiễm BAV, có 3 ca đồng nhiễm với VNNB

và 1 ca đồng nhiễm với NDiV. Như vậy, đã phát hiện có hiện tượng đồng nhiễm vi rút gây HCNC ở Bắc Giang. Tỷ lệ đồng nhiễm trong HCNC do vi rút là 10,20%, tỷ lệ đồng nhiễm trong HCNC do vi rút xác định là 23,25%.

- Hiệu quả phòng bệnh VNNB bằng vắc - xin tại Bắc Giang giai đoạn 2006 - 2016.

Hiệu quả phòng bệnh của vắc - xin VNNB tại Bắc Giang là cao, thể hiện trong kết quả nghiên cứu:

+ Tỷ lệ bảo vệ của vắc - xin VNNB tại Bắc Giang được xác định là 99,56%.

+ Nguy cơ mắc bệnh VNNB của trẻ không được tiêm vắc xin phòng bệnh cao gấp 227 lần so với trẻ được tiêm vắc - xin.

- Một số đặc điểm dịch tễ học.

- Về HCNC do vi rút ở Bắc Giang từ năm 2015 - 2016:

+ Tỷ lệ mắc HCNC do vi rút/100.000 dân tại Bắc Giang năm 2015 là 3,17%. Tỷ lệ chết/100.000 dân là 0,12%. Tỷ lệ chết/mắc là 3,85%;

+ Tỷ lệ mắc HCNC do vi rút/100.000 dân tại Bắc Giang năm 2016 là 2,78%. Không có ca tử vong.

+ Tỷ lệ mắc HCNC do vi rút/100 000 dân tại Bắc Giang năm 2015 - 2016 là 2,98%.

+ HCNC do vi rút xuất hiện cao ở tháng 5, tháng 6, tháng 7, trong đó tháng 6 là tháng có số ca mắc cao nhất,

48/98 ca, chiếm 48,98%.

+ Tỷ lệ mắc HCNC do vi rút/100.000 dân chung của cả tỉnh là 2,98%/100.000 dân; Trong đó ở miền núi là cao nhất 3,40%/100.000 dân.

+ Tỷ lệ mắc HCNC do vi rút ở nam là 64,29%, ở nữ là 35,71%.

+ Tỷ lệ mắc HCNC do vi rút/100.000 trẻ ở nhóm tuổi tương ứng cho kết quả: Ở nhóm trẻ dưới 15 tuổi tỷ lệ này là 6,55%/100.000 trẻ, cao hơn 4 lần so với tỷ lệ mắc ở nhóm trẻ trên 15 tuổi, cao gấp 2 lần tỷ lệ mắc trung bình của cả cộng đồng trong tỉnh (P<0,001).

- Về bệnh VNNB ở tỉnh Bắc Giang trong giai đoạn 2006 - 2016:

+ Tỷ lệ mắc VNNB/HCNC là 6,36%.

+ Tỷ lệ mắc mới VNNB trung bình hàng năm là 0,24%/100.000 dân.

+ Mùa dịch VNNB là mùa hè, số mắc cao ở các tháng 5, 6, 7. Tỷ lệ mắc VNNB cao nhất là tháng 6 chiếm 73,17%.

+ Tỷ lệ mắc VNNB/100.000 dân ở nhóm tuổi dưới 15 là 0,56%; ở nhóm tuổi trên 15 là 0,05%.

- Chu kỳ dịch VNNB là 2 - 3 năm.

- Tỷ lệ được tiêm vắc - xin phòng VNNB trung bình trong năm đạt 98,24% số trẻ mục tiêu./.

Nguyễn Tươi (t/h)



Tin hoạt động

Thực hiện Đề án Phát triển thị trường công nghệ, trong những năm qua, UBND thành phố Hà Nội thường xuyên đồng chủ trì, tổ chức và tham gia các kỳ Chợ Công nghệ và Thiết bị nhằm gắn kết giữa hoạt động nghiên cứu và phát triển với sản xuất - kinh doanh, xúc tiến thương mại hóa kết quả nghiên cứu, thúc đẩy giao dịch mua bán công nghệ và thiết bị tiên tiến, góp phần phát triển thị trường công nghệ và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ (KH&CN).

Diễn ra từ 29/9/2016 - 2/10/2016, Chợ Công nghệ và Thiết bị Hà Nội 2016 với tinh thần “Liên kết cùng hội nhập và phát triển bền vững”, nhằm tới các mục tiêu như: 1. Góp phần triển khai thực hiện có hiệu quả “Chương trình Phát triển thị trường KH&CN đến năm 2020” của Chính phủ; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố XVI và Chiến lược Phát triển KH&CN thành phố Hà Nội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Đẩy mạnh giao dịch mua bán công nghệ và thiết bị tiên tiến, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát huy hội nhập quốc tế về KH&CN phục vụ phát triển nhanh và bền vững kinh tế - xã hội Thủ đô. 2. Tôn vinh năng lực sáng tạo của các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN trong mọi lĩnh vực để phục vụ phát triển nhanh và bền vững kinh tế -

xã hội như: Trồng trọt, thủy sản, thú y, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến nông sản, công nghệ bảo quản sau thu hoạch; công nghệ sạch, xử lý môi trường, công nghệ thông tin, điện, điện tử, viễn thông; công nghệ, thiết bị phục vụ sản xuất các sản phẩm làng nghề truyền thống, công nghiệp phụ trợ... trên địa bàn Thủ đô; 3. Trưng bày, giới thiệu, chào bán các công nghệ, thiết bị tiên tiến trong nước, đồng thời thu hút đầu tư và chuyển giao công nghệ hiện đại từ nước ngoài phục vụ phát triển các ngành kinh tế trọng điểm của Hà Nội và vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc...

Techmart Hanoi 2016 có quy mô khoảng 390 đơn vị tham gia, trong đó, dự kiến có 20 - 40 đơn vị nước ngoài trong các lĩnh vực như: Công nghệ thông tin, điện, điện tử, tự động hóa, cơ khí chế tạo máy phục vụ nông nghiệp, công nghiệp, giao thông, quản lý đô thị; công nghệ bảo quản, chế biến nông - lâm - thủy sản, thực phẩm, nông nghiệp công nghệ cao, giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao; công nghệ xử lý môi trường; công nghệ, thiết bị phục vụ sản xuất các sản phẩm làng nghề truyền thống; công nghệ, thiết bị phục vụ các ngành, lĩnh vực khác.

Bên cạnh các công nghệ, thiết bị phục vụ, hỗ trợ sản xuất, Techmart Hanoi 2016

còn cho phép tiến hành giao dịch, mua bán những sản phẩm thương mại là kết quả của việc ứng dụng thành tựu nghiên cứu khoa học, công nghệ, thiết bị tiên tiến vào sản xuất.

Công nghệ và thiết bị được đề nghị, lựa chọn, giới thiệu, mua, bán gồm những công nghệ và thiết bị là kết quả nghiên cứu của các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp trong nước, nước ngoài và của các tập thể và cá nhân đã được kiểm nghiệm, ứng dụng thành công; những công nghệ đã hoàn thiện, sẵn sàng để chuyển giao; công nghệ và thiết bị đảm bảo chất lượng và có giá thành hạ hơn so với sản phẩm nhập khẩu; công nghệ và thiết bị đã được đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ. Đối với công nghệ và thiết bị của nước ngoài giới thiệu tại Techmart Hanoi 2016 phải có chất lượng cao, trình độ tiên tiến, phù hợp với nhu cầu trong nước.

Theo Ban Tổ chức, tại Techmart Hanoi 2016 còn bố trí để các tổ chức, cá nhân giới thiệu và tiến hành các hoạt động tư vấn công nghệ ngay trong thời gian diễn ra Techmart./.

Văn Bằng (t/h)

Nghiệm thu dự án Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất giống, nuôi trồng và chế biến một số loại nấm mới

Ngày 2/8, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tổ chức Hội đồng nghiệm thu dự án “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất giống, nuôi trồng và chế biến một số loại nấm mới tại Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN tỉnh Bắc Giang” do Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN tỉnh Bắc Giang chủ trì thực hiện từ tháng 2/2014 đến tháng 6/2016 với tổng kinh phí hơn 500 triệu đồng.

Sau hơn 2 năm triển khai, dự án đã tiếp nhận chuyển giao công nghệ nhân giống nấm đùi gà và chân dài từ cấp 1-2, công nghệ nuôi trồng nấm đùi gà và chân dài từ Trung tâm Công nghệ Sinh học Thực vật - Viện Di truyền

Nông nghiệp Việt Nam; xây dựng nhà xưởng sản xuất giống nấm quy mô 100 m², lán nuôi trồng các loại nấm quy mô 200 m²; sản xuất được 1.5 tấn giống nấm đùi gà và chân dài; sản xuất nấm thương phẩm quy mô gần 14.5 tấn nguyên liệu (trong đó nấm đùi gà được trồng trong nhà lạnh, nấm chân dài trồng trong lán trại). Ngoài ra, dự án còn tiến hành đào tạo 2 kỹ thuật viên và tập huấn cho các hộ nông dân quy trình trồng nấm đùi gà và chân dài.

Góp ý tại Hội đồng, các thành viên đề nghị cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án làm rõ hiệu quả kinh tế; đánh giá sự phù hợp của hai loại nấm này khi trồng ở Bắc Giang; đưa ra khuyến cáo cho bà con nông dân về khả năng nhân rộng, thị trường tiêu thụ của hai loại nấm; tính toán lại tỷ lệ cấy giống, năng suất khi sản xuất thương phẩm. Hội đồng đánh giá cao kết quả đạt được của dự án, với việc hoàn thành tốt các mục tiêu đặt ra, Hội đồng thống nhất nghiệm thu dự án với kết quả khá./.



Nghiệm thu dự án cấp nhà nước

Ngày 4/8, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng nghiệm thu cơ sở dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm lợn lai 3 - 4 máu ngoại tại huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang”. Đây là dự án thuộc Chương trình Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015 do UBND huyện Việt Yên chủ trì thực hiện từ tháng 4/2014 đến tháng 6/2016 với tổng kinh phí 6.5 tỷ đồng.

Với mục tiêu ứng dụng thành công công nghệ nuôi lợn ngoại, xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi thương phẩm lợn lai 3 - 4 máu ngoại có năng suất, chất lượng cao. Chủ





động cung cấp nguồn con giống tốt, góp phần vào chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Sau hơn 2 năm thực hiện, dự án đã xây dựng được mô hình chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp gồm 01 trại lợn giống ông bà quy mô 60 nái, 01 trại lợn giống bố mẹ quy mô 400 nái, 01 trại lợn thương phẩm quy mô 1.500 con/năm; xây dựng được mô hình chăn nuôi lợn quy mô hộ gia đình gồm 01 trại lợn bố mẹ có quy mô 30 - 50 nái/trại, 01 trại lợn thương phẩm quy mô 100 - 200 con/năm, 01 mô hình gồm 20 hộ nuôi lợn nái quy mô 3 - 5 lợn nái/hộ. Bên cạnh việc xây dựng các mô hình, dự án đã chuyển giao và ứng dụng các quy trình kỹ thuật, quy trình công nghệ phù hợp với điều

Tư vấn nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình Nông thôn - Miền núi năm 2016

Ngày 17/8, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tổ chức 03 Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ dự án thuộc Chương trình Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn - miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025.

03 dự án đưa ra đánh giá tại Hội đồng gồm: dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình nhân giống, trồng và sơ chế dược liệu ba kích, cà gai leo và trà hoa vàng theo tiêu chuẩn GACP-WHO tại huyện Lục Nam, Sơn Động tỉnh Bắc Giang” do Công ty TNHH một thành viên Kim Hoàng đề xuất; dự án “Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình trồng một số giống cây ăn quả mới, giá trị cao: Bưởi đỏ, ổi ODDL1, nhãn chín muộn tại huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang” do Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Tân Yên đề xuất; dự án “Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình liên kết sản xuất lúa gạo chất lượng cao tại tỉnh Bắc Giang” do Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN Bắc Giang đề xuất.

Hội đồng có trách nhiệm tư vấn tên, mục tiêu, nội dung, tổ chức chủ trì, tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ, kinh phí thực hiện và sản phẩm dự án KH&CN. Đối với các công nghệ lựa chọn ứng dụng chuyển giao phải giải quyết được những vấn đề có tầm quan trọng đối với

kiện địa phương, đào tạo tập huấn cho cán bộ kỹ thuật và bà con nông dân.

Tổng hợp ý kiến của các thành viên, Chủ tịch Hội đồng đề nghị cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án đánh giá thêm hiệu quả kinh tế của từng mô hình chăn nuôi; đưa ra khuyến cáo phù hợp cho bà con nông dân phát triển mô hình sau dự án; bổ sung phác đồ điều trị bệnh dịch; làm rõ một số chỉ tiêu như chu kỳ sinh sản, tỷ lệ mang thai, tỷ lệ sống... Với kết quả đạt được, Hội đồng thống nhất nghiệm thu dự án đạt kết quả khá, đề nghị cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ, báo cáo theo góp ý của Hội đồng./.



phát triển kinh tế - xã hội của vùng thực hiện dự án; đảm bảo tính mới, tính sáng tạo, tính ổn định và phù hợp với khả năng tiếp thu của các tổ chức, cá nhân vùng dự án thực hiện.

Sau khi xem xét, đánh giá các Hội đồng nhất trí thông qua với tên dự án: “Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình nhân giống, trồng và sơ chế cây ba kích, cà gai leo và trà hoa vàng theo tiêu chuẩn GACP-WHO tại tỉnh Bắc Giang”; “Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình trồng bưởi đỏ, ổi ODDL1, nhãn chín muộn phục vụ nội tiêu và xuất khẩu”; “Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình liên kết sản xuất khép kín giống đến gạo chất lượng cao phục vụ nội tiêu và xuất khẩu tại tỉnh Bắc Giang”. Các dự án, sẽ sửa đổi mục tiêu, nội dung... theo tên phê duyệt và kết luận của Hội đồng trước khi trình UBND tỉnh; Bộ KH&CN./.



Ảnh: Hội thảo khoa học “Các giải pháp thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII về lĩnh vực khoa học và công nghệ”



Ảnh: Phó Giám đốc Sở Nguyễn Văn Xuất kiểm tra, đánh giá lò đốt rác đa năng Faipro của Tập đoàn Công nghệ T-tech Việt Nam

SÀN GIAO DỊCH CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ BẮC GIANG

BACGIANG TECHNOLOGY AND EQUIPMENT EXCHANGE



NƠI HỘI TỤ - KẾT NỐI VÀ TỎA SÁNG



Đối tượng tham gia

*Các tổ chức nghiên cứu và phát triển;
Các trường đại học, cao đẳng, học viện, dạy nghề;
Các tổ chức dịch vụ, doanh nghiệp KH&CN;
Các tổ chức, tập thể, doanh nghiệp và cá nhân có nhu cầu tìm mua/chào bán các sản phẩm, công nghệ và thiết bị tiên tiến;*

Quyền lợi khi tham gia:

*Được miễn phí trưng bày mặt hàng tại sàn giao dịch;
Được gắn logo, giới thiệu về các đơn vị trên website của BATEX phục vụ cho các hoạt động kinh doanh;
Được tham gia các hoạt động của sàn giao dịch;
Được giới thiệu, mở rộng cơ hội hợp tác;*



Tiêu chí về CN&TB

*Là kết quả nghiên cứu đã được kiểm nghiệm, ứng dụng thành công;
Đã hoàn thiện, sẵn sàng để chuyển giao;
Đảm bảo chất lượng;
Đã được đăng ký và bảo hộ;
Đảm bảo quy định của pháp luật.*

<http://sangiaodichcongnghebg.com.vn>

Địa chỉ: Số 71 - đường Nguyễn Văn Cừ - thành phố Bắc Giang
Điện thoại: 0240 3 825 001 Fax: 0240 3 855 476